

	NAME	SEX	Date of birth mo/da/yr
mother	TRẦN THỊ NGUYẾT	F	1910
wife	TRẦN THỊ MINH HOÀNG	F	12-08-1936
son	NGUYỄN TẤN QUANG VINH	M	06-02-1969
son	NGUYỄN TẤN QUANG HUY	M	08-24-1971
daughter	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	F	04-13-1975

Số 162/MT

BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN

— Thực hiện chính sách khoan hồng của chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đối với sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc chế độ cũ đang học tập cải huấn ở các trại tập trung.

— Xét tình thân học tập trong quá trình cải huấn biết ăn năn hối cải và phấn đấu tốt.

— Xét đề nghị của đơn vị trực tiếp quản lý, đã thông qua xét duyệt.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 — Cho Nguyễn Tấn Thọ sinh 1941
 Cấp Chiều nay số lính 61.101.706
 Chức Sĩ Quan Quân Đội Nhân Viên
 của chế độ cũ học tập tập trung tại lớp thứ 550 L1 được hoãn học tập về gia đình Số 109/23 ấp Phú Mỹ II, xã Phú Mỹ
Huyện Đông Thành, Tỉnh Nai

Phải đến trình diện Công an Phường (Xã), Quận (Huyện) địa phương nơi cư trú.

Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc các ngành, đơn vị nhận sử dụng phải chấp hành tốt mọi qui định về luật pháp, và chịu sự quản chế của chính quyền cơ sở địa phương hoặc đơn vị nhận sử dụng. Thời gian quản chế Sáu tháng, sau thời gian đó nếu chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị xác nhận là tiến bộ và được chính quyền nơi cư trú đồng ý thì sẽ được chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 — Ban chỉ huy trại trực tiếp quản lý đối tượng và đương sự chiếu quyết định thi hành.

Ngày 24 tháng ... năm 1977

BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN

GHI CHÚ — Giấy này không có giá trị di dưỡng.

— Trong thời gian quản chế, việc qui định (bao nhiêu ngày trình diện địa phương xã, Phường qui định).



Thanh Van Tran



TO : HỘI GIA ĐÌNH TỰ NHÂN CHÍNH TRỊ VN.
P O BOX 5435
ARLINGTON , VA 22205

Box

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

QUESTIONNAIRE FOR PERSONS IN VIETNAM

(Please print or type in English only)

Số 2/7/85
Trà Lân
2/1/85SECTION 1: INFORMATION ABOUT YOU

Name: NGUYỄN TÂN THO
 Names you have used: none
 Date of birth: 04 03 1941 Country of birth: VIETNAM
 Address: 1066 KHU THANH BÌNH, XÃ AN PHÚ,
 HUYỆN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.

Are you married? YES
 Exit permit number is:

SECTION 2: INFORMATION ABOUT YOUR RELATIVES IN U.S.

Name of your closest relative in the U.S.:
 TRAN VAN THANH
 Other name used: none
 Date of birth: Mo Day year, Country of birth.
 NOV. 06 1954 VIETNAM
 The U.S. address:
 The relationship to you is: COUSIN
 The U.S. telephone number is:
 When your closest relative leave VIETNAM: 04.30.1975

SECTION 3: INFORMATION ABOUT RELATIVES YOU WANT TO GO WITH YOU TO THE UNITED STATES.

List all relatives you want to go with you to the U.S.

Name	Sex	Date of birth Mo/ da/ yr	Country of birth	Relationship to you	Married?	Exit permit number	Address
TRẦN THỊ NGUYẾT	F	1910	VIETNAM	MOTHER	no	"	{ 1066 KHU THANH BÌNH, XÃ AN PHÚ, HUYỆN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.
TRẦN THỊ MINH HOÀNG	F	12 - 08 - 1936	VIETNAM	WIFE	YES	"	
NGUYỄN TÂN QUANG VINH	M	06 - 02 - 1969	VIETNAM	SON	no	"	
NGUYỄN TÂN QUANG HUY	M	08 - 24 - 1971	VIETNAM	SON	no	"	
NGUYỄN THỊ QUYNH NHƯ	F	04 - 13 - 1975	VIETNAM	DAUGHTER	no	"	

SECTION 4: INFORMATION ABOUT YOUR FAMILY.

List all your relatives living or dead including those you put in Section 3.

NAME	Sex	Date of birth day/ Mo/ yr	Country of birth	Married	Address (If deceased write dead)
husband/wife		(living or dead)	VIETNAM		
TRẦN THỊ MINH HOÀNG	F	08 - 12 - 1936	living	YES	1066 KHU THANH BÌNH, XÃ AN PHÚ, HUYỆN THỦ ĐỨC, T.P. HỒ CHÍ MINH
other husband/wives		(living or dead)			
		none			

1066 KHU THANH-BINH, XA AN-PHU,
HUYEN THU-DEUC, T.P. HO-CHI-MINH.

children (living or dead)	Sex	Living or dead
NGUYEN TAN QUANG VINH	M	LIVING
NGUYEN TAN QUANG HUY	M	LIVING
NGUYEN THI QUYEN NHU	F	LIVING

parents (living or dead)	Sex	Date of birth mo/ day/ yr	County of birth	Married
TRAN THI NGUYEN	F	1910	VIETNAM	no

Address

1066 KHU THANH-BINH, XA AN-PHU,
HUYEN THU-DEUC, T.P. HO-CHI-MINH.

brothers/sisters (living or dead)

Sex:	Relationship	Married	Living or dead.
NGUYEN THI MEO F	SISTER	YES	no living
NGUYEN YAN TU M	BROTHER	YES	no living

r relatives living with you : Relationship to you.

SECTION 5 : EMPLOYMENT WITH THE U.S. GOVERNMENT.

ANT. If you worked for the U.S. government complete this section. If an accompanying relative worked for the U.S. government have him complete this section, if possible.

What U.S. government agency : In what office

of separation month /day/ /year Reason for separation:
the date, places worked, job title or grade and names of supervisors
/yr to mo/yr Place Title/Grade Name of supervisor Describe the work performed.

the dates, names, places and description of any training or schooling provided by the U.S. Government.
/yr to mo/yr Name Place Describe the training or schooling.

ANT: If the job training was out side Vietnam complete section 8.

any awards and commendations from the U.S. Government.

time spent reeducation? Yes No How long: from JUNE 1975 To AUGUST 24 1977

ANT : Please send copies of personnel documents I D cards, training certificates, letters of commendation, photographs, letters from supervisors, or any other documents pertaining to employment by the U.S. or verifying reeducation. Do not send original papers, send copies only.

SECTION 6: OTHER JOBS WITH AMERICAN COMPANIES OR ORGANISATIONS.

IMPORTANT: If you worked for a U.S. company or organization complete this section. If an accompanying relative worked for a U.S. company or organization have him complete this section, if possible.

Name of the company, contractor, agency, organization or foundation.

Date of separation /day mo/ / year

Reason for separation:

Give the dates, places worked, job title or grade and names of supervisors.

From to mo/yr

Place

Title/grade

Name of supervisor.

Describe the work performed.

What was the number employee

Badge number

Payroll number

How much time spent in reeducation ? Yes

No

How long

/year

/month

Still in reeducation

From June 1975 to August 24 1977

no

IMPORTANT: Please send COPIES of personnel documents, I D cards, training certificates, letters of commendation, Job photographs, letters from supervisors, or any other documents pertaining to employment by a U.S. company or organization or certifying reeducation. Do not send original papers.

SECTION 7: GOVERNMENT OR MILITARY SERVICE BEFORE APRIL 30 1975

IMPORTANT: If you worked for the Vietnamese government or served in the the Vietnamese military complete this section. If an accompanying relative worked for the Vietnamese government or served in the Vietnamese military have him complete this section, if possible.

What ministry or military unit? VN ARMY , SECOND LIEUTENANT .

Date of separation ?

/day

/month

/year

Reason of separation

Give the dates, places worked, job title or rank and names of supervisor

What awards, commendations or medals from the the U.S. Government

How much time spent in reeducation

From JUNE 1975 to AUGUST 24 1977

training in the U.S.

NO

work done closely with Americans ? Working with American advisor :

SECTION 8: EDUCATION OUTSIDE VIETNAM

NOTE: If you trained or educated outside Vietnam complete this section. If an accompanying relative was trained or educated outside Vietnam him/her complete this section if possible.

main why the training or schooling was outside Vietnam. /

paid for it? /

the dates, names, places, and description of the training or schooling.

Mo/yr	to	Mo/yr	Name	Place	Describe the training or schooling
-------	----	-------	------	-------	------------------------------------

the degrees or training certificates received.

Date received	Name of school or training	Type of degree or certificate	Describe the degree or certificate
Mo/yr			

time spent in reeducation ?

From JUNE 1975 to August 1977

NOTE: Please send copies of any certificate or papers pertaining to training or schooling outside Vietnam or verifying reeducation. DO NOT SEND ORIGINAL PAPERS. SEND COPIES ONLY.

SECTION 9 : COMMENTS AND REMARKS.

BECAUSE I WAS AN ARMY OFFICER OF THE OLD REGIME , I WAS WORKING CLOSELY AS AN INTERPRETER WITH THE U.S. ARMY DURING THE WAR , MY FAMILY AND I ARE NOT TREATED AS REGULAR CITIZENS UNDER COMMUNIST GOVERNEMENT . WE WISH TO JOIN YOU IN THE UNITED STATES SO THAT WE CAN ENJOY THE SPIRIT OF FREEDOM ./.

SECTION 10: CERTIFICATION.

I affirm that all the information on this questionnaire is true and undertant that any false statement could PREVENT me from going to the United States.

Date: JAN-29-1985

Signature of applicant,

Ng Tan Tho

Số 162/81

BỘ TƯ LỆNH ĐOÀN

- Thực hiện chính sách khoan hồng của chính phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đối với sĩ quan, hạ sĩ quan thuộc chế độ cũ đang học tập cải huấn ở các trại tập trung.
- Xét tinh thần học tập trong quá trình cải huấn biết ăn năn hối cải và phấn đấu tốt.
- Xét đề nghị của đơn vị trực tiếp quản lý đã thông qua xét duyệt.

QUYẾT ĐỊNH

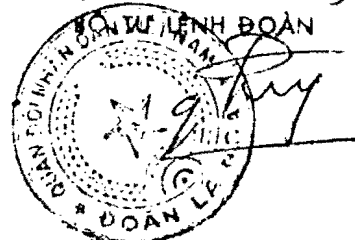
Điều 1 — Cho Nguyễn Văn Thọ sinh 1941
 Cấp Chiến sĩ số lính 61.101.706
 Chức Sĩ Quan Quản Trị Nhân Viên
 của chế độ cũ học tập tập trung tại hợp thu 5500 L1 được hoãn học tập
 về gia đình Số 403/23 ấp Phú Mỹ II, Xã Phú Mỹ
Huyện Long Thành, Đồng Nai

Phải đến trình diện Công an Phường (Xã), Quận (Huyện) địa phương nơi
 cư trú.

Điều 2 — Khi trở về địa phương hoặc các ngành, đơn vị nhận sử dụng phải chấp
 hành tốt mọi qui định về luật pháp và chịu sự quản chế của chính quyền
 cơ sở địa phương hoặc đơn vị nhận sử dụng. Thời gian quản chế Sáu
 tháng, sau thời gian đó nếu chính quyền địa phương hoặc cơ quan đơn vị
 xác nhận là tiến bộ và được chính quyền nơi cư trú đồng ý thì sẽ được
 chính thức khôi phục quyền công dân.

Điều 3 — Đơn chỉ huy trại trực tiếp quản lý đối tượng và đương sự chiếu quyết định
 thi hành.

Ngày 24 tháng 8 năm 1977



CHỈ CHỮ: — Giấy này không có giá trị đi được.

- Trong thời gian quản chế, việc qui định (bao nhiêu ngày trình diện cơ quan chính quyền địa phương xã, Phường qui định).

Trưởng Tán: Nguyễn Trọng Thiệu

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Biên Hòa

QUẬN: Đức Tu

XÃ: Bình Trước

Số hộ: 773

TRÍCH LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN THỦ

Tên, họ người chồng Nguyễn Tấn Thọ
nghề-nghiep _____
sinh ngày Ba tháng tứ năm Một ngàn chín trăm bốn mươi
tại Phủ Hội Biên Hòa
cư sở tại Biên Hòa

tạm-trú tại 41 Bis 241 Đường Quốc lộ 1 Biên Hòa

Tên, họ cha chồng Nguyễn Văn Ảnh (sống) 62 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng Trần Thị Chức (sống) 57 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ Trần Thị Minh Hoàng

nghề nghiệp Thợ kỹ

sinh ngày Tám tháng Mười hai năm Một ngàn chín trăm ba mươi sáu

tại Bình Trước Biên Hòa

cư sở tại Biên Hòa

Tên, họ cha vợ _____

(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ Trần Thị Nguyệt (sống) 55 tuổi

(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới Mùng ba tháng mười một năm một ngàn

chín trăm sáu mươi lăm

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế _____

ngày _____ tháng _____ năm _____

tại _____

Trích y bản chính

Bình Trước ngày 4 tháng 11 năm 1965

Viên chức Hộ tịch
CHỦ TỊCH KIỂM HỘ TỊCH

Nguyễn Văn Năm Tự Vệ

TỈNH BIÊN-HÒA

Nhận thực địa lý của

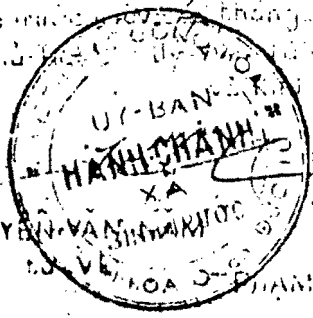
Ủy ban Nhân dân Bình Trước

Ngày 11-11-1965

Ủy ban Nhân dân

(Gồm Họp Biên Hùng Biên Hòa) Gid Qa20 1 N

HIỆP-LUẬT, B4 Qa20 1 N



BỘ KHAI-SANH

Năm: 1969

MIỄN LỆ-PHÍ

Số hiệu: 000

Tên họ đầu nhĩ	<u>Nguyễn-Tân-Quang-Vinh</u>
Phái	<u>Nam</u>
Sanh	<u>Ngày hai tháng sáu dương lịch năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín.</u>
(Ngày, tháng, năm)	
Tại	<u>Phủ-Nhuận Bệnh-Viện G-16</u>
Cha	<u>Nguyễn-Tân-Thọ</u>
(Tên, họ)	
Nghề	<u>Cán-Đoàn</u>
Cư trú tại	<u>Số-Gon 117/9A Công-Huỳnh</u>
Mẹ	<u>Trần-Thị-Hình-Hồng</u>
(Tên, họ)	
Nghề	<u>Tư-Chức</u>
Cư trú tại	<u>Số-Gon 117/9A Công-Huỳnh</u>
Vợ	<u>Vợ-Chính</u>
(Chánh hay thứ)	

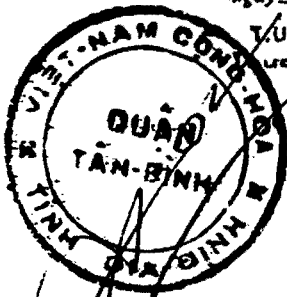
Chứng thật chữ ký bên đây là của Ông Trần-Văn-Dương

Trưởng Ủy-viên Hộ-tịch Xã PHÚ-NHUẬN.

ngày 6 tháng 6 năm 1969

T.Ư. N. DƯƠNG-TRƯỜNG

Trưởng-Phòng Hộ-Tịch



TRẦN-VĂN-DƯƠNG

Trích y bản chính:

Phủ-Nhuận, ngày 06 tháng 6 năm 1969

CHỦ TỊCH HẠM ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

CHỨNG-THẬT
Chữ ký bên đây của Ông
TRẦN-VĂN-DANH Ủy-viên Hộ-tịch

Xã PHÚ-NHUẬN

Phủ-Nhuận ngày 6 tháng 6 năm 1969

A-TRƯỞNG



SUYỄN-THANH-HÙNG

TRẦN-VĂN-DANH

Thành phố, Tỉnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

MLB HT 3/P 3

**BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH**

Sø 7696 A

Quyền số 39

[illegible]

Họ và tên	NGUYỄN VĂN QUANG HUY		Nam, nữ <u>nam</u>
Sinh ngày tháng, năm	Hai mươi bốn tháng tám năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt (21.3.1971)		
Nơi sinh	128 Đại lộ Hùng vương		
Khai về cha, mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN VĂN THO 30 Tuổi	TẦN THỊ LÊ HOÀNG 35 Tuổi	
Dân tộc			
Quốc tịch			
Nghề nghiệp			
Nơi ĐKNK thường trú	Cộng đồng 117/9A Công quận	Tư nhân 117/9A Công quận	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	THAN NHIC THIEN 50 Tuổi 128 Đại lộ Hùng vương		

P. 685/77 - 4.500.000

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 01 tháng 6 năm 1978

TM/UBND 05 _____ ký tên đóng

TRẦN THÀNH SƯ

Đăng ký ngày—27 tháng—8—năm 1971—

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH GIA-ĐÌNH

QUẬN GÒ-VẤP

CƠ-QUAN CHÍNH-QUYỀN
XÃ PHÁT-TRIỂN BÌNH-HÒA

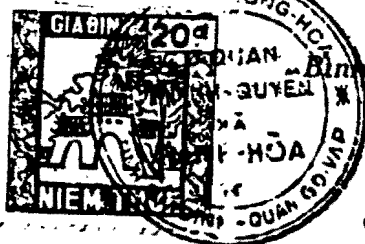
Số hiệu 2630

KIỂM SOÁT/
Đã Tự Viên

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THƯ KHAI-SANH

Lập ngày 17 tháng 4 năm 19 75

Tên họ đứa trẻ	NGUYỄN - THỊ - QUYNH - NHƯ
Trai hay gái	NỮ
Ngày sanh	Ngày mười ba, tháng tư, năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm
Nơi sanh	T.T.T.T Y Khoa Xã Bình-Hòa
Tên họ cha	Nguyễn-Tân-Thọ
Tên họ mẹ	Trần-Thị-Minh-Hoàng
Vợ	Vợ chính
Tên họ người khai	Đinh-Văn-Payng

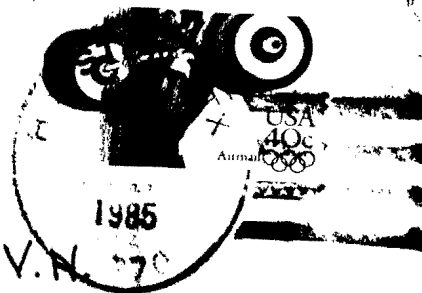


TRÍCH-LỤC Y BỘ ĐỜI : Đu

Bình-Hòa, ngày 17 tháng 4 năm 1975
Xã-Trưởng kiêm Ủy Viên Hộ-Tịch

VŨ-TRẦN-HÀ

Thanh Van Tran



Hội gia đình tù nhân chính trị V.N. 70

P.O. BOX 5435

ARLINGTON VA 22205-0635